Mẫu số 03.1

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Phước, ngày 16 tháng 11 năm 2026

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT – THÔN VĨNH NAM

Stt	Họ và tên chủ hộ	Giới tính *(1: Nam; 2: Nữ)*	Năm sinh	Nơi ở hiện tại *(Ghi theo thứ tự thôn, tổ)*	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	*Chỉ tiêu thiếu hụt*	Phân loại[1]
I	**HỘ NGHÈO**						
1	HUỲNH THỊ BẢY	2	01/01/1940	Vĩnh Nam	163	3	N
2	DIỆP THỊ TỚI	2	01/01/1932	Vĩnh Nam	143	3	N
3	ĐỖ THỊ MINH HOÀ	2	01/01/1961	Vĩnh Nam	128	3	N
4	PHẠM THỊ PHÚ	2	01/01/1947	Vĩnh Nam	186	3	N
5	VÕ THỊ SINH	2	01/01/1957	Vĩnh Nam	143	3	N
6	ĐỖ MỰC	1	10/09/1951	Vĩnh Nam	105	3	N
7	ĐÀO THỊ NGỌT	2	10/02/1930	Vĩnh Nam	152	3	N
8	VÕ THỪA SANG	1	01/01/1933	Vĩnh Nam	186	3	N
9	HUỲNH THỊ NGỌC	2	01/01/1944	Vĩnh Nam	143	3	N
10	ĐỖ THỊ THÀNH	2	02/02/1944	Vĩnh Nam	171	3	N
11	DƯƠNG THỊ MAI	2	01/01/1941	Vĩnh Nam	186	3	N
12	VÕ THỊ SÁU	2	01/01/1955	Vĩnh Nam	186	3	N
13	NGUYỄN VĂN TIN	1	03/02/1937	Vĩnh Nam	143	3	N
14	VÕ THỊ NỞ	2	31/12/1946	Vĩnh Nam	186	3	N
15	ĐỖ THỊ KIỀU	2	09/10/1942	Vĩnh Nam	186	3	N
II	**HỘ CẬN NGHÈO**						
1	DIỆP THỊ LÔ	2	01/01/1967	Vĩnh Nam	171	2	CN
2	NGUYỄN THỊ THU SANG	2	03/01/1983	Vĩnh Nam	189	2	CN
3	TRẦN THỊ NHỊ	2	01/01/1964	Vĩnh Nam	176	2	CN
4	NGUYỄN THỊ VÂN	2	03/03/1979	Vĩnh Nam	186	2	CN
5	VÕ THỊ PHƯỢNG	2	01/01/1953	Vĩnh Nam	186	2	CN
6	TRẦN THỊ SỰ	2	01/01/1936	Vĩnh Nam	128	2	CN
7	BÙI THỊ SÀNH	2	01/01/1945	Vĩnh Nam	186	2	CN

[1]Hộ nghèo: N; Hộ Cận nghèo: CN; Hộ không nghèo: KN.

8	DƯƠNG THỊ ANH	2	01/01/1955	Vĩnh Nam	186	2	CN
9	TRẦN THỊ GIANG	2	01/01/1954	Vĩnh Nam	128	2	CN
10	DƯƠNG THỊ PHẬN	2	01/01/1953	Vĩnh Nam	186	2	CN
11	TRẦN THỊ TIẾT	2	01/01/1958	Vĩnh Nam	175	2	CN
12	VÕ THỊ BÀN	2	01/01/1958	Vĩnh Nam	186	2	CN
III	**HỘ THOÁT NGHÈO**						
1	PHẠN THỊ NGHIỆN	2	01/01/1929	Vĩnh Nam			
2	TRẦN THỊ LƯƠNG	2	01/01/1952	Vĩnh Nam			
	Kết quả phân loại sau khi rà soát Phiếu B		**- Có 15 hộ nghèo;** **- Có 12 hộ cận nghèo;** **- Có hộ không nghèo.**				

thamnt1 - 16/11/2026 10:56:49 - thamnt1 - thamnt1 - thamnt1

Mẫu số 03.1

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Phước, ngày 16 tháng 11 năm 2026

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT – THÔN TRÀ ĐÔNG

Stt	Họ và tên chủ hộ	Giới tính *(1: Nam; 2: Nữ)*	Năm sinh	Nơi ở hiện tại *(Ghi theo thứ tự thôn, tổ)*	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	*Chỉ tiêu thiếu hụt*	Phân loại[2]
I	**HỘ NGHÈO**						
1	NGUYỄN THỊ NGHỀ	2	10/12/1957	Trà Đông	175	3	N
2	HUỲNH THỊ SÁNG	2	05/10/1957	Trà Đông	175	3	N
3	DƯƠNG VĂN BA	1	09/10/1965	Trà Đông	143	3	N
4	NGUYỄN THỊ THƯỚNG	2	01/01/1961	Trà Đông	175	3	N
5	NGUYỄN THỊ NHỨT	2	01/01/1955	Trà Đông	163	3	N
6	DƯƠNG THỊ XÊ	2	01/01/1944	Trà Đông	186	3	N
7	PHAN THỊ NHỈ	2	10/02/1946	Trà Đông	175	3	N
8	NGUYỄN THỊ ĐUA	2	01/01/1956	Trà Đông	164	3	N
9	PHAN THỊ BÔNG	2	01/01/1954	Trà Đông	175	3	N
10	ĐỖ THỊ MINH NIÊN	2	01/01/1958	Trà Đông	175	3	N
11	VÕ THỊ THANH	2	01/01/1953	Trà Đông	174	3	N
12	HỨA THỊ BÍCH CÔNG	2	04/02/1990	Trà Đông	122	3	N
II	**HỘ CẬN NGHÈO**						
1	ĐỖ VIẾT HỘI	1	13/03/1980	Trà Đông	187	2	CN
2	DƯƠNG THỊ NGÔ	2	10/10/1952	Trà Đông	187	2	CN
3	TRẦN THỊ ĐIỆT	2	01/01/1951	Trà Đông	154	2	CN
III	**HỘ THOÁT NGHÈO**						
IV	**HỘ THOÁT CẬN NGHÈO**						
1	LÝ THỊ TẤN	2	20/02/1957	Trà Đông			Đi khỏi địa phương
	Kết quả phân loại sau khi rà soát Phiếu B		**- Có 12 hộ nghèo;** **- Có 3 hộ cận nghèo;** **- Có hộ không nghèo, CN.**				

thamnt1 - 16/11/2026 10:56:49 - thamnt1 - thamnt1

[2]Hộ nghèo: N; Hộ Cận nghèo: CN; Hộ không nghèo: KN.

Mẫu số 03.1

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Phước, ngày 16 tháng 11 năm 2026

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT – TRIỀU CHÂU

Stt	Họ và tên chủ hộ	Giới tính *(1: Nam; 2: Nữ)*	Năm sinh	**Nơi ở hiện tại** *(Ghi theo thứ tự thôn, tổ)*	**Kết quả rà soát Phiếu B**		
					Điểm B1	*Chỉ tiêu thiếu hụt*	Phân loại[3]
I	**HỘ NGHÈO**						
1	HỨA THỊ SẮC	2	17/05/1938	Triều Châu	163	3	CN
2	TRƯƠNG THỊ LÝ	2	07/01/1948	Triều Châu	133	3	CN
3	LÊ THỊ AN	2	02/02/1957	Triều Châu	163	3	CN
4	LÊ THỊ LẠI	2	06/07/1960	Triều Châu	188	3	CN
5	LÊ THỊ LIỄU	2	17/12/1955	Triều Châu	175	3	CN
6	LÊ THỊ CHANH	2	12/10/1959	Triều Châu	175	3	CN
7	LÊ THỊ CHỈ	**2**	18/03/1951	Triều Châu	163	3	CN
8	HUỲNH THỊ NHẪN	2	20/10/1942	Triều Châu	164	3	CN
9	LÊ THỊ TƯƠNG	2	01/01/1949	Triều Châu	132	3	CN
10	LÊ THỊ MƯỜI	2	10/01/1951	Triều Châu	175	3	CN
11	HỨA THỊ THANH	2	03/07/1961	Triều Châu	122	3	CN
12	HUỲNH THỊ THANH	2	10/11/1948	Triều Châu	164	3	CN
13	LÊ HOÁN	1	02/12/1949	Triều Châu	122	3	CN
14	TRẦN VĂN PHƯƠNG	1	25/11/1970	Triều Châu	163	3	CN
15	TRẦN THỊ QUYỀN	2	12/10/1936	Triều Châu	132	3	CN
16	LÊ THỊ MỸ LIÊN	2	03/04/1973	Triều Châu	152	3	CN
17	NGUYỄN THỊ LUYẾN	2	01/08/1951	Triều Châu	163	3	CN
18	LÊ THỊ LÝ	2	01/08/1951	Triều Châu	174	3	CN
19	ĐẶNG THỊ ĐỨC	2	01/02/1951	Triều Châu	165	3	CN
20	LÊ THỊ LẪM	2	20/11/1957	Triều Châu	153	3	CN
21	LÊ THỊ YÊN	2	10/06/1960	Triều Châu	115	3	CN
II	**HỘ CẬN NGHÈO**						
1	LÊ TRUNG THÊM		21/05/1987	Triều Châu	155	4	CN

[3]Hộ nghèo: N; Hộ Cận nghèo: CN; Hộ không nghèo: KN.

2	LÊ ĐẠI NGỌT	2	10/10/1957	Triều Châu	154	3	CN
3	HUỲNH TẤN CHÂN	2	17/08/1942	Triều Châu	170	3	
4	PHAN CÔNG THẮNG	1	05/11/1986	Triều Châu	163	3	CN
5	LÊ THỊ THẬM	1	08/05/1955	Triều Châu	153	3	CN
6	TRƯƠNG THỊ MAI	2	23/10/1956	Triều Châu	165	2	CN
III	**HỘ THOÁT NGHÈO**						
1	NGUYỄN VĂN TÂM	1	26/09/1975	Triều Châu			
IV	**HỘ THOÁT CẬN NGHÈO**						
1	LÊ THANH VI	2	13/02/1969	Triều Châu	212		
2	HỨA THỊ ĐÀO	2	12/01/1948	Triều Châu	240		
	Kết quả phân loại sau khi rà soát Phiếu B		**- Có 21 hộ nghèo;** **- Có 6 hộ cận nghèo;** **- Có hộ không nghèo.**				

thamnt1 - 16/11/2026 10:56:49 - thamnt1 - thamnt1 - thamnt1

Mẫu số 03.1

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Phước, ngày 16 tháng 11 năm 2026

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT – THÔN XUYÊN ĐÔNG

Stt	Họ và tên chủ hộ	Giới tính *(1: Nam; 2: Nữ)*	Năm sinh	**Nơi ở hiện tại** *(Ghi theo thứ tự thôn, tổ)*	**Kết quả rà soát Phiếu B**		
					Điểm B1	*Chỉ tiêu thiếu hụt*	Phân loại[4]
I	**HỘ NGHÈO**						
1	TRẦN THỊ NHỨT	2	02/10/1952	Xuyên Đông	109	3	N
2	NGUYỄN THỊ LAN	2	10/04/1956	Xuyên Đông	153	3	N
3	LÊ THỊ TỒN	2	06/10/1947	Xuyên Đông	163	3	N
4	TRẦN THỊ QUÝ	2	10/11/1953	Xuyên Đông	165	3	N
5	HỒ THỊ CÂN	2	19/11/1953	Xuyên Đông	163	3	N
II	**HỘ CẬN NGHÈO**						
1	LÊ THỊ HỒNG	2	20/05/1957	Xuyên Đông	142	4	CN
III	**HỘ THOÁT NGHÈO**						
1	NGÔ VĂN ĐÔNG	1	19/02/1986	Xuyên Đông	218	2	
2	VĂN THỊ KIM YẾN	2	10/12/1956	Xuyên Đông			Chuyển đi khỏi địa phương
IV	**HỘ THOÁT CẬN NGHÈO**						
1	VĂN THỊ CÓ	2	04/10/1965	Xuyên Đông			Chuyển đi khỏi địa phương
	Kết quả phân loại sau khi rà soát Phiếu B		**- Có 5 hộ nghèo;** **- Có 1 hộ cận nghèo;** **- Có hộ không nghèo.**				

thamnt1 - 16/11/2026 10:56:49 - thamnt1 - thamnt1

[4]Hộ nghèo: N; Hộ Cận nghèo: CN; Hộ không nghèo: KN.

Mẫu số 03.1

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Phước, ngày 16 tháng 11 năm 2026

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT – THÔN XUYÊN TÂY

Stt	Họ và tên chủ hộ	Giới tính *(1: Nam; 2: Nữ)*	Năm sinh	Nơi ở hiện tại *(Ghi theo thứ tự thôn, tổ)*	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	*Chỉ tiêu thiếu hụt*	Phân loại[5]
I	**HỘ NGHÈO**						
1	MAI THỊ VÂN	2	16/10/1954	Xuyên Tây	145	3	N
II	**HỘ CẬN NGHÈO**						
1	TRẦN THỊ NHỊ	2	14/06/1945	Xuyên Tây	175	3	CN
2	NGUYỄN THỊ TRỢ	2	10/07/1960	Xuyên Tây	186	3	CN
III	**HỘ THOÁT NGHÈO**						
1							
IV	**HỘ THOÁT CẬN NGHÈO**						
	Kết quả phân loại sau khi rà soát Phiếu B		**- Có 1 hộ nghèo;** **- Có 2 hộ cận nghèo;** **- Có hộ không nghèo.**				

thamnt1 - 16/11/2026 10:56:19 - thamnt1 - thamnt1

[5]Hộ nghèo: N; Hộ Cận nghèo: CN; Hộ không nghèo: KN.

Mẫu số 03.1

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Phước, ngày 16 tháng 11 năm 2026

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT – THÔN DUY VINH

Stt	Họ và tên chủ hộ	Giới tính *(1: Nam; 2: Nữ)*	Năm sinh	Nơi ở hiện tại *(Ghi theo thứ tự thôn, tổ)*	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	*Chỉ tiêu thiếu hụt*	Phân loại[6]
I	**HỘ NGHÈO**						
1	VÕ THỊ LONG	2	20/07/1942	Duy Vinh	165	3	N
2	ĐỖ THỊ LẠI	2	01/01/1965	Duy Vinh	161	3	N
3	VÕ GIÁO	1	01/01/1944	Duy Vinh	111	3	N
4	VÕ THỊ HOA	2	01/01/1957	Duy Vinh	154	3	N
5	NGUYỄN THỊ THỨ	2	01/01/1937	Duy Vinh	165	3	N
6	TRẦN THỊ HOA	2	30/04/1961	Duy Vinh	154	3	N
7	VÕ THỊ THIA	2	10/07/1964	Duy Vinh	154	3	N
8	ĐỖ THỊ XẦM	2	01/01/1949	Duy Vinh	144	3	N
9	DƯƠNG THỊ ĐÀ	2	01/01/1940	Duy Vinh	154	3	N
10	VÕ THỊ THỊNH	2	01/01/1953	Duy Vinh	152	3	N
11	VÕ THỊ KIẾN	2	01/01/1925	Duy Vinh	154	3	N
12	VÕ THỊ HIỆP	2	10/10/1933	Duy Vinh	154	3	N
13	VÕ THỊ XINH	2	01/01/1955	Duy Vinh	144	3	N
14	ĐỖ THỊ HƯỜNG	2	01/01/1942	Duy Vinh	154	3	N
15	VÕ THỊ HƯỜNG	2	17/07/1955	Duy Vinh	154	3	N
16	VÕ THỊ LUÔN	2	01/01/1963	Duy Vinh	130	3	N
17	NGÔ THỊ TÁM	2	20/08/1955	Duy Vinh	154	3	N
18	TRẦN THỊ BÀI	2	01/01/1941	Duy Vinh	154	3	N
19	TRẦN THỊ MAI	2	10/10/1952	Duy Vinh	154	3	N
20	VÕ THỊ LIÊN	2	01/01/1954	Duy Vinh	154	3	N
21	VÕ THỊ HOA	2	01/01/1966	Duy Vinh	163	3	N
22	ĐỖ THỊ LẬP	2	01/01/1964	Duy Vinh	154	3	N
23	NGUYỄN THỊ BẮC	2	01/01/1943	Duy Vinh	154	3	N
24	LÊ THỊ NGỪNG	2	01/01/1957	Duy Vinh	167	3	N

[6]Hộ nghèo: N; Hộ Cận nghèo: CN; Hộ không nghèo: KN.

25	VÕ THỊ NGƯU	2	01/01/1958	Duy Vinh	154	3	N
26	ĐỖ THỊ BẢY	2	16/12/1955	Duy Vinh	154	3	N
27	VÕ THỊ PHẨM	2	07/07/1955	Duy Vinh	154	3	N
28	VÕ TẤN SÁU	1	01/01/1971	Duy Vinh	142	3	N
29	PHẠM TRỢ	1	01/01/1941	Duy Vinh	143	3	N
30	NGUYỄN THỊ NHÌ	1	01/01/1934	Duy Vinh	154	3	N
31	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	2	01/01/1945	Duy Vinh	165	3	N
32	NGUYỄN THỊ QUÁN	2	01/01/1934	Duy Vinh	153	3	N
33	NGUYỄN HOÀI	1	01/01/1935	Duy Vinh	154	3	N
34	VÕ TẤN HOÀ	1	01/01/1972	Duy Vinh	144	3	N
35	HUỲNH THỊ SỞ	2	20/03/1928	Duy Vinh	154	3	N
36	TRẦN CHƠI	1	02/03/1930	Duy Vinh	144	3	N
37	VÕ THỊ NHỊ	2	01/01/1945	Duy Vinh	163	3	N
38	PHAN THỊ NỲ	2	01/12/1956	Duy Vinh	134	3	N
39	ĐỖ VĂN TÙNG	1	10/03/1930	Duy Vinh	96	3	N
40	VÕ THỊ HẠNG	2	07/09/1951	Duy Vinh	154		N
II	**HỘ CẬN NGHÈO**						
1	NGUYỄN THỊ SÁU	2	01/01/1960	Duy Vinh	154	2	CN
2	VÕ TẤN THỊNH	1	15/02/1987	Duy Vinh	146	2	CN
3	LÊ THỊ ĐỀ	1	30/03/1954	Duy Vinh	154	2	CN
4	NGUYỄN THỊ KÝ	2	01/01/1945	Duy Vinh	154	2	CN
5	VÕ THỊ CƯƠNG	2	04/07/1946	Duy Vinh	179	2	CN
6	VÕ THỊ THẠNH	2	12/03/1963	Duy Vinh	154	2	CN
7	LÊ THỊ ÚT	2	01/01/1968	Duy Vinh	152	2	CN
8	VÕ TƯ	1	01/05/1954	Duy Vinh	166	2	CN
9	LÊ THÀNH XUÂN	1	05/01/1958	Duy Vinh	145	2	CN
10	VÕ ĐỨC THỐNG	1	05/04/1954	Duy Vinh	109	2	CN
11	VÕ THỊ NGA	2	01/01/1965	Duy Vinh	154	2	CN
12	LÊ NGUYÊN	1	24/05/1953	Duy Vinh	154	2	CN
13	ĐỖ THỊ BẢY	2	01/01/1956	Duy Vinh	154	2	CN
14	MAI THỊ CHÍN	2	01/01/1952	Duy Vinh	188	2	CN
15	TRẦN THỊ HÀO	2	07/03/1927	Duy Vinh	158	2	CN
16	HUỲNH HỒNG VĨ	1	13/05/1985	Duy Vinh	177	2	CN
17	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	2	01/01/1967	Duy Vinh	154	2	CN
18	TRẦN MAI	1	06/06/1957	Duy Vinh	155	2	CN
19	NGUYỄN THỊ SƯA	2	06/01/1960	Duy Vinh	145	2	CN
20	TRẦN THỊ BÍCH LIÊN	2	01/01/1977	Duy Vinh	151	2	CN

thanhnt1 - 16/11/2025 10:56:4 - thanhnt1 - thanh1

III	**HỘ THOÁT NGHÈO**						
1	VÕ LẠC	1	01/01/1941	Duy Vinh			
2	NGUYỄN THỊ HƠN	2	01/01/1939	Duy Vinh			
3	ĐỖ THỊ HỘI	2	01/10/1936	Duy Vinh			
4	NGUYỄN THỊ BƯNG	2	01/01/1947	Duy Vinh			
IV	**HỘ THOÁT CẬN NGHÈO**						
	Kết quả phân loại sau khi rà soát Phiếu B		**- Có 40 hộ nghèo;** **- Có 20 hộ cận nghèo;** **- Có hộ không nghèo.**				

thamnt1 - 16/11/2026 10:56:49 - thamnt1 - thamnt1 - thamnt1 - thamnt1

Mẫu số 03.1

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Phước, ngày 16 tháng 11 năm 2026

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT – THÔN PHƯỚC XUYÊN

Stt	Họ và tên chủ hộ	Giới tính *(1: Nam; 2: Nữ)*	Năm sinh	Nơi ở hiện tại *(Ghi theo thứ tự thôn, tổ)*	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	*Chỉ tiêu thiếu hụt*	Phân loại[7]
I	**HỘ NGHÈO**						
1	NGUYỄN VĂN TÁM	1	01/02/1971	Phước xuyên	105	5	N
2	PHẠM THỊ HAI	2	01/01/1958	Phước xuyên	165	3	N
II	**HỘ CẬN NGHÈO**						
1	ĐẶNG THỊ THỚI	2	1964	Phước xuyên	174	3	CN
III	**HỘ THOÁT NGHÈO**						
1	LÊ THỊ THANH THUÝ	2	05/06/1974	Phước xuyên			Thoát tư nhiên
2	NGUYỄN THỊ BIỀN	2	10/07/1946	Phước xuyên			Thoát tư nhiên
IV	**HỘ THOÁT CẬN NGHÈO**						
1	NGUYỄN THỊ LÝ	2	11/10/1964	Phước xuyên			Thoát tư nhiên
	Kết quả phân loại sau khi rà soát Phiếu B		**- Có 2 hộ nghèo;** **- Có 1 hộ cận nghèo;** **- Có hộ không nghèo.**				

thamnt1 - 16/11/2026 10:56:49 - thamnt1 - thamnt1

[7]Hộ nghèo: N; Hộ Cận nghèo: CN; Hộ không nghèo: KN.

Mẫu số 03.1

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Phước, ngày 16 tháng 11 năm 2026

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT – THÔN CHÂU HIỆP

Stt	Họ và tên chủ hộ	Giới tính *(1: Nam; 2: Nữ)*	Năm sinh	Nơi ở hiện tại *(Ghi theo thứ tự thôn, tổ)*	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	*Chỉ tiêu thiếu hụt*	Phân loại[8]
I	**HỘ NGHÈO**						
1	HUỲNH THỊ TUẤT	2	04/04/1945	Châu Hiệp	165	3	N
II	**HỘ CẬN NGHÈO**						
1	NGUYỄN THỊ LẠI	**2**	30/06/1958	Châu Hiệp	174	3	CN
III	**HỘ THOÁT NGHÈO**						
IV	**HỘ THOÁT CẬN NGHÈO**						
	Kết quả phân loại sau khi rà soát Phiếu B		**- Có 01 hộ nghèo;** **- Có 01 hộ cận nghèo;** **- Có hộ không nghèo.**				

thamnt1 - 16/11/2026 10:58:4 thamnt1 - thamnt1 - thamnt1

[8]Hộ nghèo: N; Hộ Cận nghèo: CN; Hộ không nghèo: KN.

Mẫu số 03.1

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Phước, ngày 16 tháng 11 năm 2026

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT – THÔN DUY PHƯỚC

Stt	Họ và tên chủ hộ	Giới tính *(1: Nam; 2: Nữ)*	Năm sinh	Nơi ở hiện tại *(Ghi theo thứ tự thôn, tổ)*	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	*Chỉ tiêu thiếu hụt*	Phân loại[9]
I	**HỘ NGHÈO**						
1	PHAN THỊ TỊNH	2	14/04/1952	Duy Phước	142	3	N
2	HUỲNH BƯỜNG	1	01/10/1963	Duy Phước	131	3	N
3	VÕ THỊ TỚI	2	11/01/1950	Duy Phước	142	3	N
4	NGUYỄN THỊ SÁU	2	10/05/1953	Duy Phước	152	3	N
5	NGUYỄN THỊ LANG	2	15/09/1950	Duy Phước	142	3	N
6	LÊ THỊ THANH	2	10/05/1954	Duy Phước	152	3	N
7	ĐẶNG THỊ GIỎI	2	05/05/1963	Duy Phước	131	3	N
8	ĐẶNG THỊ ĐƯỢC	2	03/05/1927	Duy Phước	142	3	N
9	NGUYỄN THỊ TRÙNG	2	01/01/1959	Duy Phước	142	3	N
10	VÕ THÀNH	1	01/01/1971	Duy Phước	131	3	N
11	TRƯƠNG THỊ THƯỜNG	2	02/04/1954	Duy Phước	152	3	N
12	TRƯƠNG THỊ NHÀN	2	10/10/1955	Duy Phước	152	3	N
13	HỒ THỊ LIỄU	2	14/01/1950	Duy Phước	152	3	N
14	NGUYỄN THỊ BỬU	2	01/04/1957	Duy Phước	152	3	N
15	LÊ THỊ NÊ	2	12/02/1956	Duy Phước	131	3	N
16	TRẦN THỊ CHÁNH	2	20/07/1956	Duy Phước	152	3	N
17	TRẦN THỊ NGỌC	2	04/05/1957	Duy Phước	152	3	N
18	CHÂU THỊ LAI	2	01/01/1954	Duy Phước	142	3	N
19	NGUYỄN THỊ CHUNG	2	10/12/1942	Duy Phước	152	3	N
20	NGUYỄN TÀI	1	12/10/1967	Duy Phước	152	3	N
21	ĐẶNG THỊ LIÊN	2	01/01/1974	Duy Phước	131	3	N
22	LÊ THỊ PHU	2	01/01/1955	Duy Phước	152	3	N
23	TRƯƠNG THỊ XIÊM	2	05/08/1950	Duy Phước	152	3	N

[9]Hộ nghèo: N; Hộ Cận nghèo: CN; Hộ không nghèo: KN.

24	NGUYỄN THỊ MUỘN	2	01/01/1957	Duy Phước	144	3	N
25	NGUYỄN THỊ QUA	2	05/05/1955	Duy Phước	184	3	N
26	NGUYỄN THỊ CHIẾN	2	12/12/1946	Duy Phước	143	3	N
27	VÕ THỊ CHƯ	2	28/10/1946	Duy Phước	155	3	N
28	NGUYỄN THỊ CHƯƠNG	2	10/10/1938	Duy Phước	153	3	N
29	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	2	04/04/1952	Duy Phước	154	3	N
30	PHẠM THỊ HAY	2	20/02/1930	Duy Phước	101	4	N
31	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	2	20/12/1954	Duy Phước	163	3	N
II	**HỘ CẬN NGHÈO**						
1	NGUYỄN THỊ HUỆ	2	05/06/1974	Duy Phước	170	2	CN
2	ĐOÀN THỊ LỢI	2	01/06/1946	Duy Phước	152	2	CN
3	NGUYỄN THỊ KIM	2	10/06/1954	Duy Phước	174	2	CN
4	NGUYỄN THỊ SEN	2	06/06/1964	Duy Phước	152	2	CN
5	NGUYỄN THỊ HOAN	2	15/05/1964	Duy Phước	180	2	CN
6	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	2	27/01/1960	Duy Phước	101	2	CN
7	NGUYỄN NHIỀU	1	01/03/1957	Duy Phước	121	2	CN
8	TRẦN THỊ THÂN	2	06/06/1950	Duy Phước	137	2	CN
9	MAI THỚI	1	18/06/1950	Duy Phước	137	2	CN
10	PHẠM MỘT	1	02/11/1951	Duy Phước	121	2	CN
11	TRẦN THẢO	1	15/01/1937	Duy Phước	135	2	CN
12	CHÂU THỊ LIÊN	1	02/10/1962	Duy Phước	164	2	CN
13	DƯƠNG THỊ CÚC	2	08/03/1960	Duy Phước	164	2	CN
14	TRƯƠNG THỊ CAM	2	01/05/1958	Duy Phước	109	2	CN
15	NGUYỄN THỊ HÁT	2	05/02/1958	Duy Phước	109	2	CN
16	LÊ THỊ NHỎ	2	06/03/1935	Duy Phước	134	2	CN
17	NGUYỄN THỊ TRÌNH	2	19/4/1942	Duy Phước	172	2	CN
18	LÊ THỊ THUẬN	2	28/08/1976	Duy Phước	154	2	CN
19	NGUYỄN THỊ THẢO	2	08/01/1982	Duy Phước	96	2	CN
20	NGUYỄN THỊ KIM HÀ	2	01/01/1946	Duy Phước	154	2	CN
21	LÊ THỊ RÂN	2	04/05/1954	Duy Phước	163	2	CN
22	ĐỖ THỊ HỒNG	2	01/01/1958	Duy Phước	154	2	CN
23	LÊ THỊ HỒNG	2	02/12/1958	Duy Phước	172	2	CN
24	HỨA THỊ VÂN	2	10/10/1954	Duy Phước	146	2	CN
III	**HỘ THOÁT NGHÈO**						
1	LÊ THỊ HOÁ	2	01/01/1924	Duy Phước			
IV	**HỘ THOÁT CẬN NGHÈO**						
1	HỨA THỊ A	2	07/11/1955	Duy Phước			

thanhnt_216/1/2026 10:56:49 - thanhnt - thanhnt

2	HỨA THÀNH NHÂN	1	20/05/1973	Duy Phước			Thoát tự nhiên
	Kết quả phân loại sau khi rà soát Phiếu B		**- Có 31 hộ nghèo;** **- Có 24 hộ cận nghèo;** **- Có hộ không nghèo.**				

thamnt1 - 16/11/2026 10:56:49 - thamnt1 - thamnt1 - thamnt1

Mẫu số 03.1

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Phước, ngày 16 tháng 11 năm 2026

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT – THÔN CÂU LÂU

Stt	Họ và tên chủ hộ	Giới tính *(1: Nam; 2: Nữ)*	Năm sinh	Nơi ở hiện tại *(Ghi theo thứ tự thôn, tổ)*	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	*Chỉ tiêu thiếu hụt*	Phân loại[10]
I	**HỘ NGHÈO**						
1	HUỲNH THỊ CÁI	2	05/09/1942	Câu Lâu	165	3	N
2	HUỲNH THỊ THIỀN	2	08/10/1952	Câu Lâu	175	3	N
3	ĐẶNG THỊ NGA	2	03/06/1938	Câu Lâu	175	4	N
4	HUỲNH THỊ TẠO	2	06/03/1963	Câu Lâu	177	3	N
5	HUỲNH THỊ DẦN	2	11/10/1937	Câu Lâu	109	3	N
6	NGUYỄN THỊ MINH	2	01/01/1935	Câu Lâu	175	3	N
7	NGUYỄN THỊ TAM	2	03/08/1941	Câu Lâu	177	3	N
8	BÙI THỊ NHƯ Ý	2	11/09/1982	Câu Lâu	154	3	N
9	VÕ THỊ ĐƯỜNG	2	13/04/1950	Câu Lâu	120	3	N
10	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	1	04/10/1936	Câu Lâu	142	3	N
11	HUỲNH BÊN	1	15/05/1944	Câu Lâu	111	3	N
12	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	2	01/01/1968	Câu Lâu	142	3	N
13	NGUYỄN THỊ NHỨT	2	01/01/1932	Câu Lâu	165	3	N
14	NGUYỄN TỚI	1	06/10/1954	Câu Lâu	165	3	N
15	TRẦN THỊ HỘI	2	30/06/1935	Câu Lâu	165	3	N
16	NGUYỄN THỊ THÀ	2	08/01/1937	Câu Lâu	154	3	N
17	HUỲNH THỊ EM	2	02/10/1958	Câu Lâu	174	3	N
18	NGUYỄN THỊ THANH	2	20/10/1956	Câu Lâu	174	3	N
II	**HỘ CẬN NGHÈO**						
1	HUỲNH THỊ NGỌC HÀ	2	07/07/1966	Câu Lâu	187	2	CN
2	HUỲNH THỊ MỪNG	2	01/01/1957	Câu Lâu	111	2	CN
3	ĐẶNG THỊ NHU	2	20/05/1967	Câu Lâu	174	2	CN
4	NGUYỄN THỊ SÁU	2	06/06/1947	Câu Lâu	165	2	CN

thamnt1 - 16/11/2026 10:56:19 - thamnt1 - thamnt1 - thamnt1

[10]Hộ nghèo: N; Hộ Cận nghèo: CN; Hộ không nghèo: KN.

5	DƯƠNG THỊ TRỌNG	2	11/01/1953	Câu Lâu	184	2	CN
6	HUỲNH THỊ ĐỦ	2	29/09/1959	Câu Lâu	186	2	CN
7	DƯƠNG THỊ TÁ	2	01/07/1956	Câu Lâu	176	2	CN
8	NGUYỄN THỊ CÚC	2	27/10/1958	Câu Lâu	183	2	CN
III	**HỘ THOÁT NGHÈO**						
1	ĐẶNG THỊ TẶNG	2	10/10/1953	Câu Lâu			
2	NGUYỄN THỊ THỬ	2	01/01/1937	Câu Lâu			
IV	**HỘ THOÁT CẬN NGHÈO**						
1	ĐẶNG TỪ	1	01/01/1944	Câu Lâu	195		Thoát tự nhiên
2	ĐẶNG THỊ LẠC	2	01/01/1947	Câu Lâu	195		Thoát tự nhiên
3	NGUYỄN THỊ TUẦN	2	10/10/1954	Câu Lâu	202		Thoát tự nhiên
	Kết quả phân loại sau khi rà soát Phiếu B		**- Có 18 hộ nghèo;** **- Có 8 hộ cận nghèo;** **- Có hộ không nghèo.**				

thamnt1 - 16/11/2026 10:56:49 - thamnt1 - thamnt1 - thamnt1

Mẫu số 03.1

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Phước, ngày 16 tháng 11 năm 2026

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT – THÔN LANG CHÂU

Stt	Họ và tên chủ hộ	Giới tính *(1: Nam; 2: Nữ)*	Năm sinh	Nơi ở hiện tại *(Ghi theo thứ tự thôn, tổ)*	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	*Chỉ tiêu thiếu hụt*	Phân loại[11]
I	**HỘ NGHÈO**						
1	VÕ THỊ MAI	2	05/10/1958	Lang Châu	122	3	N
2	HUỲNH THỊ EM	2	19/03/1949	Lang Châu	163	3	N
3	LÊ THỊ THẬP	2	08/11/1957	Lang Châu	163	3	N
4	VÕ THỊ LÂM	2	02/03/1941	Lang Châu	163	3	N
5	VÕ THỊ THU	2	20/05/1948	Lang Châu	163	3	N
6	LÊ THỊ A	2	23/03/1938	Lang Châu	120	3	N
7	TRƯƠNG THỊ XÍ	2	05/06/1957	Lang Châu	163	3	N
8	NGUYỄN THỊ NHỆN	2	03/10/1945	Lang Châu	163	3	N
9	LÊ THỊ SƠN	2	09/12/1935	Lang Châu	163	3	N
10	LÊ THỊ TUỲ	2	14/08/1945	Lang Châu	163	3	N
11	TRƯƠNG THỊ SÁU	2	12/04/1954	Lang Châu	163	3	N
12	LÊ TẤN LINH	1	01/01/1955	Lang Châu	163	3	N
13	TRƯƠNG THỊ TỊNH	2	15/06/1954	Lang Châu	163	3	N
14	TRƯƠNG THỊ ĐÀN	2	05/01/1951	Lang Châu	165	3	N
15	VÕ THỊ VẠN	2	20/06/1933	Lang Châu	165	3	N
16	NGUYỄN THỊ HẠT	2	04/08/1939	Lang Châu	120	3	N
17	TRƯƠNG THỊ SỞ	2	10/03/1943	Lang Châu	132	3	N
18	VÕ THỊ NHÃ	2	04/05/1933	Lang Châu	122	3	N
19	TRƯƠNG THỊ QUẢ	2	10/10/1942	Lang Châu	163	3	N
20	TRƯƠNG THỊ Á	2	01/01/1952	Lang Châu	181	3	N
21	VÕ THỊ TRỢ	2	20/12/1937	Lang Châu	163	3	N
22	TRƯƠNG THỊ MAI	2	01/01/1949	Lang Châu	163	3	N
23	LÊ THỊ XẢO	2	15/07/1936	Lang Châu	165	3	N

[11]Hộ nghèo: N; Hộ Cận nghèo: CN; Hộ không nghèo: KN.

II	**HỘ CẬN NGHÈO**						
1	TRƯƠNG THỊ HỒNG	2	10/11/1973	Lang Châu	163	2	CN
2	TRẦN THỊ NGỌC HUỆ	2	25/09/1977	Lang Châu	163	2	CN
3	LƯ THỊ CÚC	2	02/07/1965	Lang Châu	173	2	CN
4	LÊ QUANG PHƯƠNG	1	20/07/1973	Lang Châu	177	2	CN
5	TRƯƠNG THỊ HỆ	2	13/08/1939	Lang Châu	177	2	CN
6	ĐINH THỊ MẸO	2	10/10/1948	Lang Châu	155	2	CN
7	TRƯƠNG THỊ TÙNG	2	12/02/1959	Lang Châu	173	2	CN
8	TRƯƠNG THỊ HẠNH	2	15/08/1962	Lang Châu	173	2	CN
9	VÕ THỊ XUÂN	2	08/10/1954	Lang Châu	173	2	CN
10	LÊ MINH TÂM	2	03/12/1964	Lang Châu	175	2	CN
11	LÊ TRUNG PHONG	1	15/07/1967	Lang Châu	175	2	CN
12	TRẦN THỊ PHƯỢNG	2	28/02/1979	Lang Châu	147	2	CN
13	TRẦN THỊ THỜI	2	23/05/1988	Lang Châu	129	2	CN
14	TRƯƠNG VĂN SƠN	1	04/10/1972	Lang Châu	133	2	CN
15	LÊ THỊ MỰC	2	01/01/1935	Lang Châu	128	2	CN
16	VÕ ĐỨC QUY	1	10/04/1965	Lang Châu	156	2	CN
17	TRƯƠNG VĂN CHIẾN	1	02/02/1955	Lang Châu	184	2	CN
18	TRƯƠNG NĂM	1	05/05/1950	Lang Châu	132	2	CN
19	LÊ THỊ BẢY	2	18/05/1955	Lang Châu	141	2	CN
20	TRƯƠNG THỊ QUÁ	2	05/12/1952	Lang Châu	173	2	CN
21	LÊ THỊ MẪN	2	16/10/1952	Lang Châu	141	2	CN
III	**HỘ THOÁT NGHÈO**						
IV	**HỘ THOÁT CẬN NGHÈO**						
	Kết quả phân loại sau khi rà soát Phiếu B		**- Có 23 hộ nghèo;** **- Có 21 hộ cận nghèo;** **- Có hộ không nghèo.**				

thamnt1 - 6/11/2026 10:56:49 - thamnt1 - thamnt1 - thamnt1

Mẫu số 03.1

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Phước, ngày 16 tháng 11 năm 2026

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT – THÔN HÀ NAM

Stt	Họ và tên chủ hộ	Giới tính *(1: Nam; 2: Nữ)*	Năm sinh	Nơi ở hiện tại *(Ghi theo thứ tự thôn, tổ)*	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	*Chỉ tiêu thiếu hụt*	Phân loại[12]
I	**HỘ NGHÈO**						
1	LÊ THỊ XÍT	2	01/01/1971	Hà Nam	152	3	N
2	LÊ THỊ LƯƠNG	2	01/01/1938	Hà Nam	142	3	N
3	TRẦN THỊ TOAN	2	08/07/1938	Hà Nam	142	3	N
4	LÝ THỊ LIÊN	2	22/04/1950	Hà Nam	152	3	N
5	VÕ THỊ CHUYỆN	2	01/01/1950	Hà Nam	152	3	N
6	MAI THỊ HẬU	2	01/01/1927	Hà Nam	142	3	N
7	TRẦN THỊ TỚI	2	07/07/1932	Hà Nam	152	3	N
8	VÕ THỊ ĐÁNG	2	02/03/1930	Hà Nam	109	3	N
9	PHAN THỊ TRE	2	03/01/1930	Hà Nam	152	3	N
10	VÕ THỊ LAN	2	01/01/1928	Hà Nam	152	3	N
11	DIỆP CHÍNH	1	20/05/1940	Hà Nam	120	3	N
12	VÕ THỊ LẮM	2	20/07/1951	Hà Nam	120	3	N
13	NGUYỄN NHỚ	1	01/01/1964	Hà Nam	142	3	N
14	LÂM THỊ NGỘ	2	01/01/1930	Hà Nam	109	3	N
15	PHAN THỊ CÔNG	1	01/01/1939	Hà Nam	142	3	N
16	VÕ ĐỨC ĐỐNG	1	01/01/1951	Hà Nam	109	3	N
II	**HỘ CẬN NGHÈO**						
1	TRẦN THỊ ĐẾN	2	01/01/1942	Hà Nam	120	2	CN
2	DƯƠNG THỊ TRƯNG	2	15/04/1954	Hà Nam	142	2	CN
3	LÂM HÀ	1	01/01/1962	Hà Nam	137	2	CN
4	NGUYỄN THỊ XUÂN	2	20/10/1947	Hà Nam	170	2	CN
III	**HỘ THOÁT NGHÈO**						
1	HUỲNH THỊ HUỆ	2	01/01/1958	Hà Nam			Thoát do chuyển

[12]Hộ nghèo: N; Hộ Cận nghèo: CN; Hộ không nghèo: KN.

							về hộ mẹ bà Lâm Thi Ngộ
2	LÝ THỊ NGỪNG	2	05/05/1934	Hà Nam			
3	ĐỖ THỊ CÓ	1	10/08/1930	Hà Nam			
4	VÕ VĂN SA	1	01/01/1936	Hà Nam			
IV	**HỘ THOÁT CẬN NGHÈO**						
1	VÕ THỊ LỢI	2	10/10/1973	Hà Nam			Thoát tự nhiên
2	DƯƠNG SỸ QUÝ	1	01/01/1974	Hà Nam			
	Kết quả phân loại sau khi rà soát Phiếu B		**- Có 16 hộ nghèo;** **- Có 04 hộ cận nghèo;** **- Có hộ không nghèo.**				

thamnt1 - 16/11/2026 10:56:49 - thamnt1 - thamnt1 - thamnt1

Mẫu số 03.1

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Phước, ngày 16 tháng 11 năm 2026

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO, CẬN NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT – THÔN MỸ XUYÊN

Stt	Họ và tên chủ hộ	Giới tính *(1: Nam; 2: Nữ)*	Năm sinh	Nơi ở hiện tại *(Ghi theo thứ tự thôn, tổ)*	Kết quả rà soát Phiếu B		
					Điểm B1	*Chỉ tiêu thiếu hụt*	Phân loại[13]
I	**HỘ NGHÈO**						
1	TRẦN THỊ THẬM	2	18/10/1954	Mỹ Xuyên	142	3	N
2	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	1	01/03/1979	Mỹ Xuyên	136	3	N
II	**HỘ CẬN NGHÈO**						
III	**HỘ THOÁT NGHÈO**						
1							
IV	**HỘ THOÁT CẬN NGHÈO**						
	Kết quả phân loại sau khi rà soát Phiếu B		**- Có 2 hộ nghèo;** **- Có hộ cận nghèo;** **- Có hộ không nghèo.**				

thamnt1 - 16/11/2026 10:56:49 - thamnt1_thamnt1

[13]Hộ nghèo: N; Hộ Cận nghèo: CN; Hộ không nghèo: KN.

thamnt1 - 16/11/2026 10:56:49 - thamnt1 - thamnt1 - thamnt1